

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **260** /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày **21** tháng **11** năm **2018**

TT CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
ĐẾN	Số: 10763
	Ngày: 23/11/18
	Chuyên:

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện kiến nghị sau giám sát của Thường trực HĐND tỉnh về nội dung tạm ứng và thu hồi vốn tạm ứng quá hạn trên địa bàn tỉnh đến thời điểm 30/10/2018

Thực hiện kiến nghị sau giám sát của Thường trực HĐND tỉnh về nội dung tạm ứng và thu hồi vốn tạm ứng quá hạn của các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước tại điểm 5, Báo cáo số 175/BC-HĐND ngày 09/7/2018 của Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện đến thời điểm 30/10/2018, với các nội dung như sau:

1. Về công tác chỉ đạo:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các Công văn số 4655/UBND-TH ngày 08/8/2018 và số 6250/UBND-TH ngày 15/10/2018 chỉ đạo các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, Kho bạc nhà nước Quảng Ngãi, UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện nghiêm túc các kiến nghị sau giám sát của Thường trực HĐND tỉnh, với 3 điểm chính sau:

a) Tổ chức kiểm tra, rà soát tất cả các dự án đã được cấp thẩm quyền quyết định đầu tư chưa hoàn thành còn dở dang nhưng không được bố trí kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 để tiếp tục thực hiện. Qua rà soát đề xuất giải pháp xử lý cho từng công trình, dự án cụ thể; trường hợp quyết định dừng đầu tư phải thực hiện quyết toán xử lý công nợ, thu hồi vốn tạm ứng (nếu có); trong đó có đối tượng dự án như Báo cáo số 175/BC-HĐND ngày 09/7/2018 của Thường trực HĐND tỉnh.

b) Yêu cầu các chủ đầu tư dự án và Kho bạc Nhà nước các cấp quán triệt và thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà nước về công tác tạm ứng và thu hồi tạm ứng ở tất cả các khâu: Nguyên tắc tạm ứng vốn, hồ sơ tạm ứng vốn, mức vốn tạm ứng, thu hồi tạm ứng cho từng dự án; tuyệt đối không để xảy ra trường hợp vốn tạm ứng không thu hồi được để quá hạn như các năm trước đây.

c) Về xử lý thu hồi dứt điểm vốn tạm ứng quá hạn: UBND tỉnh nghiêm khắc phê bình đối với các đơn vị có danh mục dự án tồn đọng quá hạn nhiều năm chưa được thu hồi dứt điểm; đồng thời đề sớm thu hồi dứt điểm vốn tạm ứng quá hạn, đã yêu cầu: Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố có dự án còn dư nợ tạm ứng quá hạn chủ trì, phối hợp Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi làm việc ngay với từng nhà thầu, phân tích đánh giá từng khoản nợ tạm ứng quá hạn, làm rõ

nguyên nhân, trách nhiệm; đề ra giải pháp, biện pháp, tiến độ thu hồi cho từng dự án; với tinh thần thực sự quyết liệt, nghiêm túc và hiệu quả. Thời hạn thu hồi dứt điểm chậm nhất là 31/12/2018.

2. Trên cơ sở chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, hiện nay các đơn vị đang tập trung triển khai thực hiện việc thu hồi vốn tạm ứng. Đến ngày 30/10/2018, đã thu hồi nợ tạm ứng quá hạn 2.098.031.000 đồng/23.976.607.000 đồng, trong đó có dự án Khu nhà ở công nhân và người lao động có thu nhập thấp tại Khu Kinh tế Dung Quất (*chi tiết theo Phụ lục đính kèm*); đồng thời, UBND tỉnh giao các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư có dự án còn tồn đọng nợ quá hạn khẩn trương thu hồi và định kỳ tham mưu UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh để theo dõi, giám sát theo quy định./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS, HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi;
- VPUB: CVP, CBTH;
- Lưu: VT, P.THhtlv314

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Ngọc Căng

PHỤ LỤC

**QUẢ THỰC HIỆN THU HỒI NỢ TẠM ỨNG QUÁ HẠN
TRONG NĂM 2018**

(Kèm theo Báo cáo số 20 /BC-UBND ngày 21 /11/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Chủ đầu tư Tên dự án	Niên độ tạm ứng	Tổng số dư nợ tạm ứng quá hạn đến thời điểm 31/12/2017	Số thu hồi đến 31/10/2018	Tổng số nợ tạm ứng quá hạn còn phải thu hồi	Trong đó		Tỉ lệ % thu hồi
						Xây lắp, thiết bị và khác	Đền bù, GPMB	
1	2	3	4	5	6=4-5	7	8	9
	Tổng cộng		23.976.607	2.098.031	21.878.576	19.715.010	2.163.566	9%
A	UBND các huyện, TP		19.452.152	907.119	18.545.033	18.451.675	93.358	5%
I	UBND Thành phố Quảng Ngãi							
II	UBND huyện Đức Phổ		5.347.142	-	5.347.142	5.347.142	-	0%
*	<i>BQL các DAĐT&XD huyện</i>		5.347.142	-	5.347.142	5.347.142	-	
1	Đường TT Đức Phổ nối dài		1.048.466	-	1.048.466	1.048.466	-	0%
		2011	988.466	-	988.466	988.466	-	0%
		2012	60.000	-	60.000	60.000	-	0%
			-	-	-	-	-	
2	Hồ chứa nước Lỗ Lá		2.039.398	-	2.039.398	2.039.398	-	0%
		2010	2.039.398	-	2.039.398	2.039.398	-	0%
3	Đường QL 1A- Phố Vinh		2.259.278	-	2.259.278	2.259.278	-	0%
		2011	2.259.278	-	2.259.278	2.259.278	-	0%
III	UBND huyện Minh Long		72.106	72.106	-	-	-	100%
*	<i>BQL các DAĐT&XD huyện</i>		72.106	72.106	-	-	-	100%
1	Đường Suối Tía-TTGD thường xuyên	2017	72.106	72.106	-	-	-	100%
IV	UBND huyện Sơn Hà		2.124.124	81	2.124.043	2.124.043	-	0%
*	<i>BQL các DAĐT&XD huyện</i>		2.124.124	81	2.124.043	2.124.043	-	0%
1	Đền bù GPMB năng lượng NT VN Sơn Hà	2002	81	81	-	-	-	100%
2	Đường Giá Gối- Mô Níc	2010	2.124.043	-	2.124.043	2.124.043	-	0%
V	UBND huyện Tây Trà		8.085.577	664.032	7.421.545	7.421.545	-	8%
*	<i>BQL các DAĐT&XD huyện</i>		8.085.577	664.032	7.421.545	7.421.545	-	8%
1	Đường Trà Phong - Gò Rô - Trà Bung	2010	5.020.595	-	5.020.595	5.020.595	-	0%
2	Đường Trà Phong -Trà Ka	2010	3.064.982	664.032	2.400.950	2.400.950	-	22%
VI	UBND huyện Trà Bồng		93.358	-	93.358	-	93.358	0%
*	<i>BQL các DAĐT&XD huyện</i>		93.358	-	93.358	-	93.358	0%
1	Năng lượng nông thôn VN Trà Bồng	2002	93.358	-	93.358	-	93.358	0%
VII	UBND huyện Ba Tư		3.729.845	170.900	3.558.945	3.558.945	-	5%
*	<i>BQL các DAĐT&XD huyện</i>		3.729.845	170.900	3.558.945	3.558.945	-	5%
1		2010						
2	Đường Ba Tư Ba Lê	2010	3.729.845	170.900	3.558.945	3.558.945	-	5%
B	Các Sở, ban ngành		4.524.455	1.190.912	3.333.543	1.263.335	2.070.208	4
I	BQL DA Đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT		208.647	106.000	102.647	102.647	-	51%
1	Hợp phần di dân TĐC hồ chứa Nước Trong	2012	159.272	106.000	53.272	53.272	-	67%
2	Cảng cá và TT dịch vụ nghề cá Sa Kỳ	2010	39.375	-	39.375	39.375	-	
3	Cảng cá và TT dịch vụ nghề cá Sa Kỳ (g/d1)	2003	10.000	-	10.000	10.000	-	

STT	Chủ đầu tư Tên dự án	Niên độ tạm ứng	Tổng số dư nợ tạm ứng quá hạn đến thời điểm 31/12/2017	Số thu hồi đến 31/10/2018	Tổng số nợ tạm ứng quá hạn còn phải thu hồi	Trong đó		Tỉ lệ % thu hồi
						Xây lắp, thiết bị và khác	Đền bù, GPMB	
II	BQL khu KT Dung Quất		2.273.569	556.798	1.716.771	60.257	1.656.514	1
*	<i>BQL các dự án đầu tư D.Quất</i>		114.785	54.528	60.257	60.257	-	
1	XD hệ thống hạ tầng KT các KDC trong khu kinh tế D.Quất	2012	57.785	54.528	3.257	3.257		94%
2	Đền bù GPMB phía Đông Dung Quất	2012	57.000	-	57.000	57.000	-	0%
*	<i>BQL DA TT phát triển quỹ đất Dung Quất</i>		1.387.371	-	1.387.371	-	1.387.371	0%
3	BT, HT bổ sung cho các hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất	2009	1.387.371	-	1.387.371		1.387.371	0%
4	Bồi thường GPMB để xây dựng nhà máy thép Quang Lien							
*	<i>BQL phát triển đô thị Vạn Tường</i>		771.413	502.270	269.143	-	269.143	65%
5	Tuyến đường GT Trục chính nối đô thị Vạn Tường	2014	771.413	502.270	269.143		269.143	65%
III	Sở Nông nghiệp PTNT		1.018.500	250.000	768.500	768.500	-	25%
1	Nuôi tôm trên cát Bình Phú	2010	182.500	-	182.500	182.500		0%
2	Lâm viên Thiên Ân	2008	836.000	250.000	586.000	586.000		30%
IV	Sở Y tế		153.000	-	153.000	153.000	-	0%
1	Trung tâm y tế Sơn Hà	2002	153.000	-	153.000	153.000		0%
VI	Cty TNHH MTV ĐTXD & KDDV Quảng Ngãi		634.309	61.684	572.625	158.931	413.694	1
1	Bồi thường, GPMB Nhà máy Bia	2006	141.198	-	141.198		141.198	0%
2	Bồi thường, GPMB khu công nghiệp Quảng Phú		43.757	-	43.757	-	43.757	0%
		2005	43.757		43.757		43.757	0%
4	Đường vào KCN Quảng Phú (giai đoạn II)	2004	87.243	-	87.243	87.243	-	0%
5	Khu TĐC Gò Xoài đường Nguyễn Chí Thanh	2006	228.739	-	228.739		228.739	0%
6	Hệ thống xử lý nước thải - KCN Tịnh Phong (g/d I)	2011	71.688	-	71.688	71.688		0%
7	DA đầu tư HT khu nhà ở CN và người có TN thấp		61.684	61.684	-	-	-	100%
		2013	61.684	61.684				100%
VII	Công ty TNHH MTV khai thác CT Thủy lợi		170.000	150.000	20.000	20.000	-	88%
1	Tiêu úng thoát lũ kênh B3	2010	70.000	70.000				100%
2	KCH và hoàn thiện kênh chính Nam	2012	100.000	80.000	20.000	20.000		80%
VIII	Văn phòng UBND Tỉnh		66.430	66.430	-	-	-	100%
1	Tin học hoá quản lý Nhà nước	2002	66.430	66.430				100%